TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **- - - *&*- - -**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **- - - - - - - - - **&** - - - - - - - - -**

Bản án số:**1012**/2022/HS-PT
Ngày: **30.11.2022**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Chử Phương Ngọc.***
Thẩm phán: Ông ***Nguyễn Ngọc Huân***.
Ông ***Phan Huy Cương.***

- Thư ký phiên tòa: Ông ***Nguyễn Công Huy*** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Cẩm Thủy*** - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 30.11.2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 704/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2022/HSST ngày 28.7.2022 của TAND quận T, Thành phố Hà Nội.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Trọng N** - Sinh năm: 1975, tại Hà Nội.

ĐKHKTT và nơi ở: số 20, ngách 117/28 XĐ, Tổ dân phố 1, phường XT, quận BTL, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Trọng Y (Đã chết) và bà Tống Thị D; Có vợ là Nguyễn Thị Bích N, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28.9.2020, Công an Thành phố Hà Nội khởi tố bị can về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07.01.2022; Hiện đang chấp hành hình phạt của Bản án số 128/HSST ngày 28.7.2022 của TAND quận T tại Trại giam Vĩnh Quang.

Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị T** - Sinh năm: 1976, tại tỉnh Hà Tây nay là Thành phố Hà Nội.

ĐKHKTT và nơi ở: Thôn HN, xã DL, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Nguyễn Danh H (chết) và bà Đinh Thị L; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con tứ ba; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Hiện áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Phan kế H** - Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Công tác tại Công ty luật TNHH Bảo Tín.

Có mặt.

3. Họ và tên: **Lê Văn Ph** - Sinh năm: 1983, tại tỉnh Hà Tây nay là Thành phố Hà Nội.

ĐKHKTT và nơi ở: Thôn YQ, xã TP, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Trần Thị L, có 04 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Hiện áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt.

4. Họ và tên: **Đào Thị Thúy H** - Sinh năm: 1985, tại Hà Tĩnh.

ĐKHKTT và nơi ở: Căn hộ RI 0510, tầng 5, nhà RI, Chung cư R số 72 NT, phường TĐ, quận T, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Cao đẳng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Đào Duy T và bà Hà Thị L; Có chồng là Nguyễn Kim P (ly hôn), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh ngày 01.6.2022; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Hiện áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Anh **Nguyễn Kim P**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 51 Ngõ 91, NCT, phường LH, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên không kháng cáo được triệu tập đến phiên tòa, nhưng đều vắng mặt:

+ Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 1, phường VH, quận HM, Thành phố Hà Nội.

+ Chị **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 344A XĐ, phường PL, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

+ **Văn phòng công chứng VTT**.

Địa chỉ: Tổ 1 Khu XH, thị trấn XM, huyện CM, Thành phố Hà Nội. (Có đơn xin xử vắng mặt)

+ **Văn Phòng công chứng DD**.

Địa chỉ: số 101 NNKT, NC, quận T, Thành phố Hà Nội. (Có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Thị Thúy H và anh Nguyễn Kim P là vợ chồng, ly hôn năm 2020. Hai người có tài sản chung chưa chia là căn hộ R 10510 nhà Rl, khu đô thị V tại số 72A NT, phường TĐ, quận T, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY045580 (viết tắt là GCN BY045580) do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hà Nội cấp ngày 21.4.2015. Sau khi ly hôn, bị cáo Đào Thị Thúy H trực tiếp quản lý và sử dụng căn hộ trên.

Khoảng đầu tháng 10.2020, do cần tiền giải quyết việc cá nhân, thông qua mối quan hệ xã hội, Đào Thị Thúy H quen biết Nguyễn Thị T và nhờ Nguyễn Thị T giới thiệu người cho vay tiền. Nguyễn Thị T giới thiệu Đào Thị Thúy H với anh Nguyễn Bá Tuân. Đào Thị Thúy H vay anh Tuân số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất 4,5%/tháng và đặt lại GCN BY045580 để làm tin. Sau đó, Đào Thị Thúy H lại nói với Nguyễn Thị T muốn tìm người cho vay số tiền lớn hơn với lãi suất thấp hơn của anh Tuân. Nguyễn Thị T nói với Đào Thị Thúy H để vay được tiền thấp hơn thì phải đặt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn hộ trên, Đào Thị Thúy H đồng ý. Do biết Nguyễn Trọng N thường cho người khác vay tiền nên Nguyễn Thị T đã nói với Nguyễn Trọng N về việc Đào Thị Thúy H đang có nhu cầu vay tiền, Nguyễn Trọng N đồng ý cho Đào Thị Thúy H vay với điều kiện Đào Thị Thúy H phải làm thủ tục chuyển nhượng tài sản cho Nguyễn Trọng N để đảm bảo khoản vay, cho người đến thẩm định tài sản. Nguyễn Thị T trao đổi với Đào Thị Thúy H các yêu cầu trên của Nguyễn Trọng N. Mặc dù Đào Thị Thúy H biết anh Nguyễn Kim P không đồng ý cho Đào Thị Thúy H toàn quyền định đoạt căn hộ R 10510 nhưng vẫn đồng ý với Nguyễn Thị T. Sau đó, Nguyễn Trọng N đã nhờ 02 nhân viên Ngân hàng Eximbank đi cùng Nguyễn Thị T đến căn hộ RI 0510 thẩm định, sau khi thẩm định Nguyễn Trọng N thông báo cho Nguyễn Thị T biết đồng ý cho Đào Thị Thúy H vay 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), lãi suất 12%/năm và yêu cầu Đào Thị Thúy H cung cấp hình ảnh các giấy tờ: Căn cước công dân (viết tắt là CCCD) của Đào Thị Thúy H và anh Nguyễn Kim P, GCN BY045580, sổ hộ khẩu của Đào Thị Thúy H, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của Đào Thị Thúy H và anh Nguyễn Kim P. Đào Thị Thúy H cung cấp hình ảnh các giấy tờ theo yêu cầu của Nguyễn Thị T và thông báo với Nguyễn Thị T về việc vợ chồng Đào Thị Thúy H đã ly hôn nên chồng Đào Thị Thúy H sẽ không ký hợp đồng chuyển nhượng để vay tiền. Nguyễn Thị T trao đổi lại nội dung này cho Nguyễn Trọng N thì Nguyễn Trọng N bàn bạc với

Nguyễn Thị T tìm người đóng giả anh Nguyễn Kim P và thuê người làm giả CCCD của anh Nguyễn Kim P để ký Hợp đồng ủy quyền từ anh Nguyễn Kim P cho Đào Thị Thúy H toàn quyền sở hữu, định đoạt căn hộ RI 0510, Nguyễn Trọng N hứa hẹn nếu hoàn thành công việc sẽ trả tiền công cho Nguyễn Thị T. Nguyễn Thị T nói lại cho Đào Thị Thúy H biết việc sẽ tìm người đóng giả anh Nguyễn Kim P để ký Hợp đồng ủy quyền, Đào Thị Thúy H đồng ý và hứa hẹn trả công cho người đóng giả số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Nguyễn Thị T cũng báo cho Nguyễn Trọng N là Đào Thị Thúy H đồng ý nhờ người kí hộ tên anh Nguyễn Kim P.

Khoảng giữa tháng 10.2020, Nguyễn Thị T thuê Lê Văn Ph đóng giả anh Nguyễn Kim P và thỏa thuận tiền công là 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng). Nguyễn Thị T bảo Lê Văn Ph chụp 02 ảnh chân dung kích thước (2x3)cm rồi cho Lê Văn Ph số điện thoại của Nguyễn Trọng N để liên hệ. Lê Văn Ph và Nguyễn Trọng N hẹn gặp nhau tại Khu đô thị chức năng Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm. Tại đây Lê Văn Ph đưa cho Nguyễn Trọng N 02 ảnh để làm căn cước giả của anh Nguyễn Kim P, Nguyễn Thị T tìm trên mạng internet số điện thoại đối tượng nhận làm giả CCCD và gửi số cho Nguyễn Trọng N liên hệ cùng ảnh CCCD của anh Nguyễn Kim P. Nguyễn Trọng N đã liên hệ và gửi ảnh CCCD của anh Nguyễn Kim P, ảnh của Lê Văn Ph và ra cây ATM chuyển số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) tiền công cho đối tượng làm giả. Sau khi làm xong CCCD giả của anh Nguyễn Kim P dán ảnh Lê Văn Ph, đối tượng đã chuyển căn cước giả cho Nguyễn Trọng N, Nguyễn Trọng N không nhớ nhân thân đối tượng làm giả.

Ngày 09.11.2020, Nguyễn Trọng N bảo Nguyễn Thị T liên hệ Văn phòng Công chứng VTT yêu cầu lập Hợp đồng ủy quyền của Đào Thị Thúy H công chứng tại địa chỉ: P502 Tòa nhà N1A Hoàng Minh Giám, phường NC, quận T, TP.Hà Nội. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị T và Lê Văn Ph gặp nhau tại khu vực vỉa hè trước Tòa nhà N1A, Nguyễn Trọng N đưa CCCD giả mang tên Nguyễn Kim P (có ảnh của Lê Văn Ph) và một số giấy tờ khác cho Nguyễn Thị T để Nguyễn Thị T liên hệ lập Hợp đồng ủy quyền và ra về trước. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Đào Thị Thúy H đến khu vực nhà N1A gặp Nguyễn Thị T và đưa cho Nguyễn Thị T giấy tờ liên quan để làm thủ tục ký Hợp đồng ủy quyền gồm CCCD của Đào Thị Thúy H, sổ hộ khẩu, Giấy đăng ký kết hôn của Đào Thị Thúy H và anh Nguyễn Kim P. Nguyễn Thị T đưa lại cho Lê Văn Ph số giấy tờ của Đào Thị Thúy H cùng CCCD giả bảo Lê Văn Ph đi phô tô và đưa lại cho Nguyễn Thị T để Nguyễn Thị T cung cấp cho công chứng soạn thảo Hợp đồng ủy quyền. Văn phòng Công chứng VTT lập Hợp đồng ủy quyền số 159.61.2020/HĐUQ quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09.11.2020 với nội dung anh Nguyễn Kim P ủy quyền cho Đào Thúy Đào Thị Thúy H toàn quyền sở hữu, định đoạt căn hộ RI0510. Nguyễn Thị T đưa Đào Thị Thúy H vào văn phòng

ký Phiếu yêu cầu công chứng và ký Hợp đồng ủy quyền. Đào Thị Thúy H ký tên, điểm chỉ vào bên được ủy quyền. Nguyễn Thị T hướng dẫn Lê Văn Ph nhận là anh Nguyễn Kim P trước khi ký ủy quyền và đưa Lê Văn Ph vào Văn phòng Công chứng để đóng giả anh Nguyễn Kim P, sử dụng CCCD giả ký tên, điểm chỉ vào bên ủy quyền là anh Nguyễn Kim P trong Hợp đồng ủy quyền. Khi làm hợp đồng ủy quyền, nhân viên công chứng có hỏi Lê Văn Ph "Anh là anh P chồng chị H à", Lê Văn Ph trả lời "vâng" và được nhân viên công chứng đưa cho bản Hợp đồng ủy quyền đã soạn thảo nội dung và yêu cầu Lê Văn Ph đọc, ký, lăn tay vào các Hợp đồng ủy quyền đó. Ký xong Lê Văn Ph cầm CCCD giả ra về. Sau này Nguyễn Thị T gặp và đưa Lê Văn Ph 10.000.000đồng tiền công đóng giả, Lê Văn Ph đưa lại CCCD giả cho Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T bẻ nhỏ CCCD giả và vứt ở dọc đường đi, hiện cơ quan điều tra không thu giữ được CCCD giả.

Khoảng 15 giờ ngày 09.11.2020, Nguyễn Thị T hẹn anh Tuân mang GCN BY045580 đến Văn phòng Công chứng VTT để đối chiếu thông tin. Sau khi hoàn tất thủ tục, Công chứng viên VTT xác nhận 04 Hợp đồng ủy quyền và giao cho Nguyễn Thị T giữ. Đến tối ngày 09.11.2020, Nguyễn Trọng N hẹn Nguyễn Thị T ra khu vực gần Đền Lừ, quận Hoàng Mai, Nguyễn Thị T giao lại cho Nguyễn Trọng N 04 Hợp đồng ủy quyền trên, Nguyễn Trọng N đưa cho Nguyễn Thị T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Sau khi làm xong Hợp đồng ủy quyền, Nguyễn Trọng N liên hệ với chị Nguyễn Xuân H hỏi vay 2.500.000.000 đồng. Khi hỏi vay tiền chị Hường, Nguyễn Trọng N cho biết khách vay là chị Đào Thị Thúy H có căn hộ R 10510 Royal City đồng ý ký Hợp đồng chuyển nhượng căn hộ để đảm bảo khoản vay và sau khi sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ xong, Nguyễn Trọng N sẽ thế chấp ngân hàng vay tiền trả chị Hường. Ngày 10.11.2020, chị Hường cùng Nguyễn Trọng N đến xem căn hộ R 10510 Royal City, sau khi xem xong thấy đảm bảo nên chị Hường đồng ý cho Nguyễn Trọng N vay 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) với lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/01ngày. Để đảm bảo khoản tiền cho vay, chị Hường đã nhờ bạn là Nguyễn Thị T đứng tên ký Hợp đồng mua bán căn hộ với Đào Thị Thúy H. Chiều cùng ngày, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị T, Đào Thị Thúy H gặp chị Hường và chị Thúy tại Văn phòng Công chứng An Nhất Nam để làm thủ tục ký Hợp đồng mua bán căn hộ R 10510. Tại đây, chị Hường đưa trước cho Nguyễn Trọng N số tiền 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng), Nguyễn Trọng N đưa lại tiền cho Đào Thị Thúy H, Đào Thị Thúy H trả anh Nguyễn Bá Tuân 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) mà Đào Thị Thúy H đã vay trước đó để lấy lại GCN BY045580, Đào Thị Thúy H đưa cho Nguyễn Thị T số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) đế nhờ Nguyễn Thị T nộp vào tài khoản ngân hàng của Đào Thị Thúy H. Do đang cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên Đào Thị Thúy H đồng ý ký vào bên bán trong Hợp đồng mua bán căn hộ R 10510 và chị Thúy ký vào phần bên mua theo yêu cầu của chị Hường. Sau khi

ký Hợp đồng mua bán, chị Hường chuyển vào tài khoản của Đào Thị Thúy H 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng). Ngày 13.11.2020, Nguyễn Trọng N vay thêm của chị Hường số tiền 1.500.000.000đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Khoảng cuối tháng 11.2020, Nguyễn Trọng N chuyển khoản cho Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Sau khi hoàn thiện Hợp đồng mua bán căn hộ R 10510, Nguyễn Trọng N nhờ chị Thúy và chị Hường làm thủ tục sang tên căn hộ cho chị Thúy để Nguyễn Trọng N liên hệ vay tiền ngân hàng trả cho chị Hường nhưng căn hộ bị chặn giao dịch sang tên chuyển nhượng. Chị Hường đã liên hệ với Nguyễn Trọng N và yêu cầu trả lại số tiền đã vay nhưng Nguyễn Trọng N và Đào Thị Thúy H chưa có tiền để trả. Đến tháng 3.2021, biết căn hộ trên đã được gỡ bỏ ngăn chặn giao dịch nên Nguyễn Trọng N đã liên hệ làm thủ tục sang tên cho chị Nguyễn Thị T. Ngày 30.3.2021, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội đã cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY045580 mang tên anh Nguyễn Kim P và Đào Thúy Đào Thị Thúy H sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DB326663 mang tên chị Nguyễn Thị T (viết tắt là GCN DB326663). Ngày 15.4.2021, Nguyễn Trọng N nhờ chị Thúy làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất căn hộ nêu trên tại Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Đ vay số tiền 3.160.000.000 đồng (ba tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng). Có tiền, Nguyễn Trọng N đã trả lại cho chị Hường số tiền 2.500.000.000đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) tiền gốc và 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng) tiền lãi. Chị Hường cho chị Thúy số tiền 28.000.000đồng (hai mươi tám triệu đồng) tiền công.

Do phát hiện căn hộ R 10510 sang tên sổ đỏ người khác, ngày 26.5.2021 Đào Thúy Hồng đã làm đơn đến Công an Thành phố Hà Nội tố giác Nguyễn Trọng N có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức rồi tự ý sang tên đối với căn hộ R 10510 và tự ý thế chấp ngân hàng vay tiền. Ngày 24.62021, Hồng đã trả lại cho Nguyễn Trọng N số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng) tiền vay gốc và 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tiền lãi đã nhờ Nguyễn Trọng N vay của Hường. Ngày 25.6.2021, Nguyễn Trọng N đã giao cho chị Thúy số tiền 3.160.000.000 đồng (ba tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) nhờ chị Thúy tất toán khoản vay ngân hàng và lấy lại GCN DB326663 giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đến khoảng tháng 7.2021, anh Nguyễn Kim P phát hiện căn hộ R 10510 sang tên cho chị Thúy mà không được sự đồng ý của anh Nguyễn Kim P nên đã gửi đơn đến Công an Thành phố Hà Nội tố giác Đào Thị Thúy H cùng những đối tượng liên quan có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để chiếm đoạt tài sản.

Thu giữ của Văn phòng công chứng VTT:

+ 01 bản sao Hợp đồng ủy quyền số 159.61.2020/LIĐUQ quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09.11.2020;

+ 01 bản sao sổ hộ khẩu số 241324173;

+ 01 bản sao chứng minh nhân dân của Đào Thị Thúy H;

+ 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 01;

+ 01 bản sao căn cước công dân của Nguyễn Kim P;

+ 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất so BY045580;

+ 01 bản sao phiếu yêu cầu công chứng.

Thu giữ của chị Nguyễn Thị T:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DB326663 mang tên Nguyễn Thị T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hà Nội cấp ngày 30.3.2021 kèm theo trang bổ sung số 01;

+ 01 phiếu yêu cầu xóa đăng ký (bản chính) đề ngày 25.6.2021;

+ 01 giấy nộp tiền vào Ngân hàng Eximbank đề ngày 25.6.2021 (bản chính) người nộp mang tên Nguyễn Thị T;

+ 01 biên lai thu tiền phí, lệ phí, hóa đơn GTGT của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội (bản chữ ký số) đề ngày 28.6.2021.

Thu giữ của chị Nguyễn Xuân H:

+ 01 Hợp đồng ủy quyền số 159.61.2020/HĐUQ quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 9.11.2020 (bản chính);

+ 01 Hợp đồng thuê nhà đề ngày 10.11.2020 (bản chính) có chữ ký của Đào Thị Thúy H và Nguyễn Thị T.

Thu giữ của Đào Thị Thúy H: Giấy siêu âm thai 2D tên Đào Thị Thúy H ngày 18.4.2022.

Thu giữ của anh Nguyễn Kim P:

+ 01 Hợp đồng ủy quyền số 159.61.2020/HĐUQ quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 9.11.2020 (bản phô tô);

+ 01 Công văn số 11008/VPĐKĐĐ-TTLT đề ngày 18.8.2021 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hà Nội (bản phô tô);

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY045580 (bản phô tô);

Tại bản Kết luận giám định số 6516/KL-PC09-Đ3 ngày 25.8.2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội giám định đối với dấu in đường vân tay, kết luận:

"… - Dấu in đường vân tay bên dưới chữ viết "Nguyễn Kim P" trên trang 4 Hợp đồng ủy quyền số 159.61.2020/HĐUQ, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD do ông VTT - Công chứng viên, Văn phòng công chứng VTT chứng nhận ngày 9/11/2020 tại địa chỉ: Tổ 1 khu Xuân Hà, thị trấn XM, huyện CM, thành phố Hà Nội cần giám định và dấu in đường vân ngón trỏ phải trên chỉ bản họ tên Lê Văn Ph (sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn Yên Quán, xã Tân Phú, huyện Quốc Oai,

thành phố Hà Nội) do cơ quan điều tra thu thập ngày 29/7/2021 gửi làm mẫu so sánh là của cùng một người.

- Dấu in đường vân tay bên dưới chữ viết "Đào Thị Thúy H" dưới mục "Bên dược ủy quyền" trên trang 4 Hợp đồng ủy quyền số 159.61.2020/HĐUQ, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD do ông VTT - Công chứng viên, Văn phòng công chứng VTT chứng nhận ngày 9/11/2020 tại địa chỉ: Tổ 1 khu Xuân Hà, thị trấn XM, huyện CM, thành phố Hà Nội cần giám định và dấu in đường vân ngón trỏ phải trên chỉ bản họ tên Đào Thị Thúy H (sinh năm 1985, nơi cư trú: số 72A NT, phường TĐ, quận T, thành phố Hà Nội) do cơ quan điều tra thu thập ngày 16/7/2021 gửi làm mẫu so sánh là của cùng một người."

Tại bản Kết luận giám định số 6548/KLGĐ-PC09(Đ3) ngày 31.8.202lcủa Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội giám định đối với chữ ký chữ viết, kết luận:

" … - Chữ ký tại vị trí dưới cùng bên trái các tờ số 2, 3 và chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Kim P dưới chữ ký mục "Bên ủy quyền" tại tờ 4 trên mẫu cần giám định với chữ viết đứng tên Lê Văn Ph trên mẫu so sánh và chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Kim P do Lê Văn Ph ký và viết ra trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký tại vị trí dưới cùng bên trái các tờ số 2, 3 và chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đào Thị Thúy H dưới chữ ký mục "Bên được ủy quyền" tại tờ 4 trên mẫu cần giám định với chữ viết đứng tên Đào Thị Thúy H trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra."

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trọng N khai do muốn vay thêm tiền chênh lên trong số tiền chị Nguyễn Xuân H cho Hồng vay nên đã cùng Nguyễn Thị T thuê người đóng giả anh Nguyễn Kim P và thuê người làm giả CCCD của anh Nguyễn Kim P nhằm mục đích làm giả Hợp đồng ủy quyền số 159.61.2020/HĐUQ quyển số 04/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 9.11.2020 tại Văn phòng công chứng VTT. Nguyễn Trọng N trực tiếp liên hệ với đối tượng làm giả CCCD của anh Nguyễn Kim P.

Nguyễn Thị T khai do muốn lấy lại tiền Nguyễn Trọng N nợ Nguyễn Thị T trước đó nên đã giới thiệu Hồng vay tiền của Nguyễn Trọng N để Nguyễn Trọng N trả tiền nợ cho Nguyễn Thị T, cùng Nguyễn Trọng N yêu cầu Hồng cung cấp căn cước công dân của anh Nguyễn Kim P và một số giấy tờ khác cho Nguyễn Trọng N để làm giả chứng minh thư của anh Nguyễn Kim P, tìm người làm giả CCCD của anh Nguyễn Kim P nhằm mục đích làm giả Hợp đồng ủy quyền trên. Nguyễn Thị T đã trực tiếp thuê và hướng dẫn Lê Văn Ph đóng giả anh Nguyễn Kim P ký tên anh Nguyễn Kim P trong Hợp đồng ủy quyền và trả tiền công cho Lê Văn Ph đóng giả Nguyễn Kim P. Các việc trên Nguyễn Thị T nói cho Hồng biết và được Hồng đồng ý. Khi gặp Hồng tại khu vực vỉa hè trước tòa nhà N1A, đường Hoàng Minh Giám, phường NC, quận T, Nguyễn Thị T có nói với Hồng

về Lê Văn Ph đang đứng gần đó là người kí thay cho chồng Hồng (là anh Nguyễn Kim P).

Lê Văn Ph khai do muốn hưởng lợi tiền công nên đã cung cấp ảnh chân dung của bản thân để làm giả CCCD của anh Nguyễn Kim P, biết rõ việc sử dụng CCCD giả của anh Nguyễn Kim P và trực tiếp ký giả chữ ký anh Nguyễn Kim P trong Hợp đồng ủy quyền. Lê Văn Ph đã nhận 10.000.000 đồng từ việc ký và đóng giả anh Nguyễn Kim P.

Tại Cơ quan điều tra, Đào Thị Thúy H khai giữa Hồng và anh Nguyễn Kim P đã ly hôn và chưa chia tài sản chung của vợ chồng là căn hộ R 10510 Chung cư Royal City, biết anh Nguyễn Kim P không đồng ý cho Hồng toàn quyền định đoạt căn hộ R 10510 nhưng do muốn vay tiền để phục vụ mục đích cá nhân và nghĩ các việc trên là thủ tục nên Hồng ký Hợp đồng ủy quyền và Hợp đồng mua bán căn hộ trên. Hồng không thừa nhận Nguyễn Thị T nói cho Hồng biết việc Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị T làm giả căn cước công dân của anh Nguyễn Kim P và thuê Lê Văn Ph ký giả chữ ký anh Nguyễn Kim P trong Hợp đồng ủy quyền, không hứa hẹn trả công gì cho người đóng giả anh Nguyễn Kim P.

Xét thấy, để thực hiện việc thế chấp căn hộ R 10510 là tài sản chung của Hồng và anh Nguyễn Kim P, Hồng đã không trao đổi với anh Nguyễn Kim P từ trước nhưng lại cung cấp căn cước công dân của Nguyễn Kim P cho Nguyễn Thị T và Nguyễn Trọng N để làm giả căn cước công dân mang tên anh Nguyễn Kim P nhưng dán ảnh Lê Văn Ph. Tại văn phòng công chứng thực hiện việc ủy quyền, Đào Thị Thúy H trực tiếp ký vào phiếu yêu cầu công chứng Hợp đồng ủy quyền. Sau đó Lê Văn Ph trực tiếp thực hiện việc ký giả chữ ký của anh Nguyễn Kim P trong Hợp đồng ủy quyền có Đào Thị Thúy H ký từ anh Nguyễn Kim P ủy quyền cho Đào Thị Thúy H với nội dung "*... Nguyễn Thúy Hồng được đem quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nêu trên để thế chấp vay vốn ...; được thay mặt anh P ... ký kết hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nêu trên...*". Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thị T, Nguyễn Trọng N lời khai của những người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện Đào Thị Thúy H có hành vi đồng phạm với vai trò giúp sức.

Về hành vi của Nguyễn Trọng N và Nguyễn Thị T trong việc làm thủ tục chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn hộ R 10510 của Đào Thị Thúy H và Nguyễn Kim P sau đó mang đi vay tiền. Không có căn cứ xác định Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị T có hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng làm giả căn cước công dân của anh Nguyễn Kim P, Nguyễn Trọng N và Nguyễn Thị T đều không biết nhân thân, không nhớ số điện thoại nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh để xử lý.

Đối với chị Nguyễn Xuân H, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Bá Tuân không biết việc làm giả CCCD của anh Nguyễn Kim P và ký giả trong Hợp đồng ủy quyền, chị Hường không có yêu cầu gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với ông VTT là Công chứng viên Văn phòng công chứng VTT là người làm thủ tục chứng nhận Hợp đồng ủy quyền số 159.61.2020/HĐUQ quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09.11.2020. Quá trình xác minh, điều tra không có căn cứ thể hiện có sự thông đồng giữa Công chứng viên với các bị cáo trong vụ án và cũng không có tài liệu thể hiện sự vụ lợi của Công chứng viên nên không có căn cứ xác định ông VTT có hành vi phạm tội, không có hình thức xử lý đối với Công chứng viên Văn phòng công chứng.

Anh Nguyễn Kim P đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ GCN DB326663 và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với căn hộ R 10510 cho anh Nguyễn Kim P và Đào Thị Thúy H. Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội đã tạm dừng đăng ký biến động căn hộ theo GCN DB326663.

Cáo trạng số 93/CT-VKSTX ngày 27.5.2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị T, Đào Thị Thúy H về tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo Điểm c Khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn Ph về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo Điểm c, đ Khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2022/HSST ngày 28.7.2022 của TAND quận T, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng N 30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07.01.2022.

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T 28** (Hai mươi tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **56** (Năm mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã DL, huyện H, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng Điểm c - đ Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Văn Ph 28** (Hai mươi tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **56** (Năm mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Văn Ph cho UBND xã TP, huyện Q, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đào Thị Thúy H 26** (Hai mươi sáu)

tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là **52** (Năm mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đào Thị Thúy H cho UBND phường TĐ, quận T, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về các biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Lê Văn Ph phải nộp số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) thu lời bất chính để sung ngân sách nhà nước.

- Hủy toàn bộ: Hợp đồng ủy quyền công chứng số 159.61.2020/HĐUQ quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09.11.2020 do văn phòng Công chứng VTT lập; Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 10327.2020/HĐMB, quyển số 04/TPCC-SCC-HĐGD ngày 11.10.2020 do Văn phòng Công chứng DD lập; 01 (một) Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB326663 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 30.3.2021 mang tên chủ sử dụng đất bà Nguyễn Thị T.

Anh Nguyễn Kim P, Đào Thị Thúy H có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ Chung cư số R 10510, Nhà Rl- 72A NT, phường TĐ, quận T, Hà Nội.

- Về vật chứng: Lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 (một) Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB326663 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30.3.2021 mang tên chủ sử dụng đất bà Nguyễn Thị T đối với căn hộ Chung cư số R 10510, Nhà Rl- 72A NT, phường TĐ, quận T, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01.8.2022 anh Nguyễn Kim P kháng cáo yêu cầu xem xét việc Tòa án sơ thẩm do bỏ lọt hành vi lừa đảo chiếm chiếm đoạt tài sản của anh nên đã xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của anh, xem xét lại hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Kim P trình bày: Tại phiên tòa sơ thẩm anh không được nghe rõ nội dung xét xử và không được hỏi về việc các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh. Trên thực tế các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của anh hơn một năm mà anh không biết, thể hiện đã làm thủ tục sang tên cho chị Nguyễn Thị T. Tòa sơ thẩm không xác định anh là bị hại là sai và xử phạt các bị cáo án treo là nhẹ. Anh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo trình bày:

Các bị cáo đều khai nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã xác định.

Bị cáo Nguyễn Trọng N xác định nhờ Nguyễn Thị T sang tên sổ đỏ nhà của bị cáo Đào Thị Thúy H mục đích để thế chấp vay tiền ngân hàng. Khi sang tên không báo cho Đào Thị Thúy H biết, khi Đào Thị Thúy H tố cáo thì bị cáo đã giải chấp ngay khoản vay của ngân hàng. Khi Đào Thị Thúy H ký hợp đồng chuyển nhượng

nhà thì hai bên có thống nhất chỉ để bảo đảm khoản vay của Đào Thị Thúy H chứ không phải bán nhà.

Bị cáo Nguyễn Thị T xác định khi thuê Lê Văn Ph ký giải làm anh Nguyễn Kim P thì có nói cho Đào Thị Thúy H biết và Đào Thị Thúy H đồng ý, khi Đào Thị Thúy H ký hợp đồng chuyển nhượng nhà thì với mục đích bảo đảm khoản vay chứ không phải bán nhà. Khoản tiền mà Nguyễn Trọng N chuyển cho bị cáo là tiền trả nợ chứ không phải tiền công giới thiệu và giúp Đào Thị Thúy H các thủ tục vay tiền

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị HĐXX:

- Về hình thức đơn kháng cáo đúng với quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333, của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận.

- Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận nội dung phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy Tòa án sơ thẩm kết tội các bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị T, Đào Thị Thúy H theo Điểm c Khoản 2 Điều 341 và bị cáo Nguyễn Kim P theo Điểm c - đ Khoản 2 Điều 341 – BLHS là có căn cứ và đúng pháp luật. Tòa án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Xét nội dung yêu cầu kháng cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được việc bị cáo Đào Thị Thúy H và các bị cáo lập hợp đồng chuyển mua bán là hợp đồng giả cách đảm bảo việc vay nợ nên tài sản của anh Nguyễn Kim P chưa bị xâm hại, các bị cáo đều không có mục đích chiếm đoạt tài sản nên không cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh Nguyễn Kim P không phải là bị hại trong vụ án, anh Nguyễn Kim P là người có quyền lợi liên quan. Tại phiên tòa anh Nguyễn Kim P yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Thúy, Tòa án sơ thẩm đã quyết định hủy và giải quyết các vấn đề liên quan đảm bảo quyền lợi cho anh Nguyễn Kim P. Do vậy căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 356, Điều 356 – BLTTHS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Kim P. Tại phiên tòa các bị cáo đều phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, Tòa án sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức hình phạt có phần nghiêm khắc. Do vậy căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm c Khoản 1 Điều 357 – BLTTHS sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 22 đến 24 tháng tù. Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Văn Ph mỗi bị cáo từ 18 đến 20 tháng tù cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo Đào Thị Thúy H từ 16 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Các phần khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về thủ tục:

Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Kim P đã tuân thủ đúng theo quy định về chủ thể, thủ tục và thời hạn kháng cáo tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại bản án sơ thẩm xác định anh Nguyễn Kim P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không có quyền làm đơn kháng cáo về phần hình phạt đối với các bị cáo, tuy nhiên tại đơn kháng cáo anh Nguyễn Kim P kháng cáo về việc xác định tội danh và tư cách tham gia tố tụng nên HĐXX chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Kim P theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung:

Anh Nguyễn Kim P và Đào Thị Thúy H là vợ chồng, đã ly hôn và có tài sản chung chưa chia, trong đó có căn hộ R 10510 nhà R1, khu đô thị V tại số 72A NT, phường TĐ, quận T. Sau ly hôn, hai bên thống nhất để Đào Thị Thúy H tiếp tục quản lý, sử dụng.

Tháng 10.2020, do cần tiền chi tiêu, thông qua bị cáo Nguyễn Thị T giới thiệu, Đào Thị Thúy H nhất trí vay bị cáo Nguyễn Trọng N tiền và lập hợp đồng mua bán căn hộ R 10510 để đảm bảo khoản vay. Do Đào Thị Thúy H thông báo căn hộ là tài sản chung của vợ chồng Đào Thị Thúy H chưa chia, anh Nguyễn Kim P không đồng ý cho thế chấp nhà vay tiền nên Nguyễn Trọng N và Nguyễn Thị T bàn bạc thuê bị cáo Lê Văn Ph giả làm anh Nguyễn Kim P để ký hợp đồng ủy quyền từ ánh Nguyễn Kim P sang Đào Thị Thúy H định đoạt căn hộ R10510, do Đào Thị Thúy H và bị cáo Lê Văn Ph nhất trí nên Nguyễn Trọng N và Nguyễn Thị T đã thuê đối thượng không quen biết thông qua mạng xã hội làm giấy chứng minh nhân dân giả của anh Nguyễn Kim P trên cơ sở thông tin của anh Nguyễn Kim P do Đào Thị Thúy H cung cấp, dán ảnh Lê Văn Ph. Sau đó Lê Văn Ph và Đào Thị Thúy H đã ký hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng VTT, theo đó Lê Văn Ph giải chữ ký của anh Nguyễn Kim P tại hợp đồng ủy quyền. Do vậy Tòa án sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là đúng pháp luật.

Về việc anh Nguyễn Kim P cho rằng các bị cáo đồng phạm có tổ chức lừa đảo chiếm đoạt tài sản là ½ căn hộ số R 10510 của anh thì HĐXX thấy rằng: Việc bị cáo Đào Thị Thúy H ký hợp đồng chuyển nhượng căn hộ R 10510 cho chị Nguyễn Thị T là nhằm đảm bảo cho khoản vay của bị cáo Đào Thị Thúy H đối với bị cáo Nguyễn Trọng N, do Nguyễn Trọng N vay tiền của chị Hường cho Đào Thị Thúy H nên chị Hường nhờ chị Nguyễn Thị T đứng tên hợp đồng mua bán, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo vẫn xác nhận việc giữa các bị cáo Đào Thị Thúy H và Nguyễn Trọng N thỏa thuận Đào Thị Thúy H ký hợp đồng chuyển nhượng căn hộ R 10510 là hợp đồng giả cách nhằm đảm bảo khoản vay của bị cáo Đào Thị Thúy H. Tuy nhiên, khi có đầy đủ thủ tục chuyển nhượng thì bị cáo Nguyễn Trọng N đã nhờ chị Nguyễn Thị T làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản để thế chấp cho ngân hàng vay tiền. Ngay sau khi phát hiện việc chuyển tên chủ sở hữu và sử dụng

căn hộ không đúng như đã thỏa thuận thì bị cáo Đào Thị Thúy H đã lập tức làm đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Trọng N, ngay sau đó bị cáo Nguyễn Trọng N cũng lập tức giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ nộp cho Cơ quan điều tra. Như vậy, không có căn cứ xác định các bị cáo có mục đích chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Kim P và bị cáo Đào Thị Thúy H. Từ đó, không có cơ sở xác định các bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần tội danh của anh Nguyễn Kim P đối với các bị cáo. Từ đó xác định tư cách tham gia tố tụng của anh Nguyễn Kim P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên anh Nguyễn Kim P không có quyền kháng cáo về phần hình phạt đối với các bị cáo. Do đó, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Kim P.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ thì Tòa án sơ thẩm xử phạt các bị cáo có phần nghiêm khắc, do vậy HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Kim P và các bị cáo đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm c Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bác yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Kim P, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2022/HSST ngày 28.7.2022 của Toà án nhân dân quận T, TP. Hà Nội theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

2. Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Trọng N 22** (Hai mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07.01.2022.

3. Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị T 20** (Hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **40** (Bốn mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã DL, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Áp dụng Điểm c - đ Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Lê Văn Ph 18** (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **36** (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Ph cho UBND xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Đào Thị Thúy H 16** (Mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là **32** (Ba mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đào Thị Thúy H cho UBND phường TĐ, quận T, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới.

6. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự : Buộc bị cáo Lê Văn Ph phải nộp số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) thu lời bất chính để sung ngân sách nhà nước.

7. Hủy toàn bộ: Hợp đồng ủy quyền công chứng số 159.61.2020/HĐUQ quyển sổ 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09.11.2020 do văn phòng Công chứng VTT lập; Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 10327.2020/HĐMB, quyển số 04/TPCC-SCC-HĐGD ngày 11.10.2020 do Văn phòng Công chứng DD lập; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB326663 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 30.3.2021 mang tên chủ sử dụng Nguyễn Thị T.

Anh Nguyễn Kim P, Đào Thị Thúy H đều có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ Chung cư số R 10510, Nhà Rl - 72A NT, phường TĐ, quận T, Thành phố Hà Nội.

8. Về vật chứng: Lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 (một) Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB326663 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30.3.2021 mang tên chủ sử dụng đất bà Nguyễn Thị T đối với căn hộ Chung cư số R 10510, Nhà Rl- 72A NT, phường TĐ, quận T, Thành phố Hà Nội.

9. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo, anh Nguyễn Kim P đều không phải nộp.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận T;
- VKSND quận T;
- TAND quận T;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chử Phương Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chử Phương Ngọc